

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SYT-TCCB

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

Về việc báo cáo tiến độ thực hiện chỉ tiêu cam kết về tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến và thanh toán trực tuyến năm 2023

Kính gửi:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Công văn số 245/UBND-KSTT ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc công khai chỉ tiêu cam kết thực hiện dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến năm 2023. Sở Y tế báo cáo tiến độ thực hiện chỉ tiêu cam kết về tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến và thanh toán trực tuyến lũy kế đến tháng 9 năm 2023, theo Phụ lục kèm theo Công văn này.

Sở Y tế kính gửi Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở;
- Phòng NVY, NVD;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Dương Thanh Bình

Phụ lục I

**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CAM KẾT VỀ TỶ LỆ HỒ SƠ NỘP TRỰC TUYẾN
VÀ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN LŨY KẾ ĐẾN THÁNG 9 NĂM 2023**

(Kèm theo Công văn số: /SYT-TCCB ngày tháng năm 2023 của Sở Y tế tỉnh Quảng Bình)

I. Số lượng hồ sơ

STT	Tên DVCTT	Mã số TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ nộp trực tuyến	Tổng số hồ sơ có phí/ lệ phí/ NVNS	Hồ sơ thanh toán trực tuyến	Ghi chú
I	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh						
1.	Thủ tục đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	1.001086.000 .00.00.H46	04	03	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
2.	Thủ tục đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	1.001077.000 .00.00.H46	29	27	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
3.	Thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	1.001846.000 .00.00.H46	2	2	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
4.	Thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	1.001866.000 .00.00.H46	0	0	0	0	

5.	Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế	1.001641.000 .00.00.H46	01	01	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
6.	Thủ tục cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh	1.001750.000 .00.00.H46	03	03	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
7.	Thủ tục cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh	1.001734.000 .00.00.H46	01	01	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
8.	Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003720.000 .00.00.H46	02	01	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
II	Lĩnh vực y tế dự phòng						
9.	Thủ tục công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	1.003580.000 .00.00.H46	03	03	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
10.	Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	2.000655.000 .00.00.H46	05	04	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
11.	Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong gia dụng và y tế bằng chế phẩm	1.002467.000 .00.00.H46	01	0	01	0	
12.	Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.002944.000 .00.00.H46	0	0	0	0	

III	Lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm						
13.	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	1.004616.000 .00.00.H46	65	41	65	41	
14.	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	1.004604.000 .00.00.H46	01	01	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
15.	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	1.004599.000 .00.00.H46	07	03	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
16.	Thủ tục điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	1.004596.000 .00.00.H46	33	24	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
17.	Thủ tục cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán uôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004593.000 .00.00.H46	91	49	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
18.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh	1.004585.000 .00.00.H46	04	04	0	0	Thủ tục không yêu

	doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)						câu nộp phí
19.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004576.000 .00.00.H46	0	0	0	0	
20.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004571.000 .00.00.H46	27	24	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
21.	Thủ tục cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.004532.000 .00.00.H46	15	10	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí
22.	Thủ tục cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.004529.000 .00.00.H46	34	19	0	0	Thủ tục không yêu cầu nộp phí

II. Tỷ lệ hồ sơ so với chỉ tiêu cam kết

STT	Tên DVCTT	Mã số TTHC	Tỷ lệ (%) hồ sơ nộp trực tuyến so với tổng số hồ sơ tiếp nhận		Tỷ lệ (%) hồ sơ thanh toán trực tuyến so với tổng số hồ sơ có phí/ lệ phí/ NVNS		Ghi chú
			Chỉ tiêu đã cam kết	Lũy kế đến tháng b/c	Chỉ tiêu đã cam kết	Lũy kế đến tháng b/c	
I	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh						
1	Thủ tục đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	1.001086.000 .00.00.H46	30%	75%			
2	Thủ tục đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	1.001077.000 .00.00.H46	30%	93,1%			
3	Thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	1.001846.000 .00.00.H46	30%	100%			
4	Thủ tục cho phép đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	1.001866.000 .00.00.H46	30%				
5	Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế	1.001641.000 .00.00.H46	30%	100%			
6	Thủ tục cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh	1.001750.000 .00.00.H46	30%	100%			

7	Thủ tục cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh	1.001734.000 .00.00.H46	30%	100%			
8	Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.003720.000 .00.00.H46	30%	50%			
II	Lĩnh vực y tế dự phòng						
9	Thủ tục công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	1.003580.000 .00.00.H46	30%	100%			
10	Thủ tục công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	2.000655.000 .00.00.H46	30%	80%			
11	Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong gia dụng và y tế bằng chế phẩm	1.002467.000 .00.00.H46	30%	0%	30%	0%	
12	Thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1.002944.000 .00.00.H46	30%				
III	Lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm						
13	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	1.004616.000 .00.00.H46	30%	63,08%	30%	63,08%	

14	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề được bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề được	1.004604.000 .00.00.H46	30%	100%			
15	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ	1.004599.000 .00.00.H46	30%	42,9%			
16	Thủ tục điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ	1.004596.000 .00.00.H46	30%	72,7%			
17	Thủ tục cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán uôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)	1.004593.000 .00.00.H46	30%	53,9%			
18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh được mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)	1.004585.000 .00.00.H46	30%	100%			

19	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004576.000 .00.00.H46	30%				
20	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	1.004571.000 .00.00.H46	30%	88,9%			
21	Thủ tục cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.004532.000 .00.00.H46	30%	66,7%			
22	Thủ tục cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1.004529.000 .00.00.H46	30%	55,9%			